

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 88/2026/DS - PT

Ngày 05 – 02– 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 618/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2025/DS - ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2026/QĐ - PT ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Y, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số H, Đường B, Thôn B (xã C cũ), phường B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số C, Đường B, Thôn B (xã C cũ), phường B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; địa chỉ: số B Đường A, phường B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị Y trình bày:

Do quen biết bà Y cho bà Trần Thị M vay tiền trong ngày 13/4/2024 hai lần, lần 1 vay số tiền 80.000.000 đồng, lần 2 vay số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng

là 190.000.000 đồng. Thời gian trả trong ngày 02 ngày. Không tính lãi suất. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền và bà Trần Thị Mỹ K và ghi rõ họ tên trong giấy. Đến ngày 24/6/2025 thì bà M trả cho bà Y được 20.000.000 đồng.

Trong giấy vay có dòng chữ "...Thu T không trả Trần Thị Mỹ chịu trách nhiệm...", nội dung này do bà M viết vì bà M vay tiền sau đó đưa cho con dâu là Thu T. Bà Y ko biết Thu T là ai, bà Y xác định chỉ cho bà M vay tiền và đưa tiền cho bà M.

Bà Y đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay bà Cao Thị Y đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ T1 cho bà Cao Thị Y số tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 15/4/2024 cho đến khi trả nợ xong.

* *Tại cấp sơ thẩm* Bị đơn bà Trần Thị M đã được đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến Toà án làm việc trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không tiến hành hoà giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2025/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Y.

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Cao Thị Y tổng số tiền là: 194.649.999 đồng. Trong đó số tiền gốc là 170.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) là 24.649.999 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 10 năm 2025 bị đơn bà Trần Thị M kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm, sửa bản án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và bác khoản tiền 110.000.000 đồng vì bà M không vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm,

Bị đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: khi vay tiền thì bà M không vay, số tiền này con dâu bà là Nguyễn Thị Thu T hỏi vay nhưng do nguyên đơn yêu cầu bà M ký nhận. Bà T có chứng kiến sự việc và viết giúp giấy vay tiền, đối với số tiền vay 80.000.000 đồng là đúng. Sau đó T lên vay thêm số tiền 110.000.000 đồng và tự viết thêm trong giấy vay.

Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày việc vay tiền thì bà có chứng kiến và viết giấy vay giúp mẹ (bà M), số tiền này bà M vay giúp tôi và M ký giấy vay, nhận tiền rồi đưa cho tôi nhưng sau đó tôi bị lừa nên không trả tiền cho bà M đúng hạn để bà M trả cho bà Y mà chỉ trả được khoản tiền 20.000.000 đồng vào ngày 24/6/20204. Tôi đề nghị được thỏa thuận để trả khoản nợ 170.000.000 đồng này thay mẹ tôi cho bà Y.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 05/11/2025, bà Nguyễn Thị Thu T (con dâu bà M) có đơn trình bày cho rằng bà T chính là người vay số tiền 190.000.000 đồng của bà Y, bà là người cầm sổ tiền vay này, quá trình vay bà đã trả cho bà Y được số tiền 20.000.000 đồng và bà sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Y. Việc bà M cũng như bà T không có mặt nên cấp sơ thẩm đã không biết để làm rõ được nội dung vay mượn tiền cụ thể là như thế nào. Nhận thấy cần thiết đưa bà Nguyễn Thị Thu T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2025 và cần tiến hành đối chất giữa bà Cao Thị Y, bà Trần Thị M và bà Nguyễn Thị Thu T để làm rõ về việc ai là người vay tiền từ bà Y, bà M và bà T; mỗi người vay của bà Y số tiền cụ thể là bao nhiêu nhằm có căn cứ giải quyết vụ án khách quan và đúng thực tế, đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Việc bà M kháng cáo theo hướng đề nghị Tòa án chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Cao Thị Y, chấp nhận trả cho bà Y số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Trần Thị M.
- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi trong thời hạn luật định và là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Đối với sự có mặt của các đương sự: tại phiên toà phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ quy định khoản 3, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 13/4/2024 bà Trần Thị M có ký nhận vay bà Cao Thị Y số tiền 190.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 ngày, không thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ. Đến ngày 24/6/2024 đã trả được 20.000.000 đồng còn khoản tiền 170.000.000 đồng chưa trả. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà M từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên toà. Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với nội dung trình bày của bị đơn tại đơn kháng cáo cho rằng chỉ vay bà Y số tiền 80.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả khoản nợ này, còn số tiền 110.000.000 đồng bà M không vay nên không đồng ý trả. Tuy nhiên, theo lời trình bày của người làm chứng và cũng là con dâu của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T thì nội dung vay tiền giữa bà M và bà Y vào ngày 13/4/2024 thì bà có chứng kiến, chữ viết trong giấy vay là của bà T viết giúp, số tiền vay là 190.000.000 đồng là đúng. Thực tế là bà M vay giúp cho bà T nên ký nhận nợ trong giấy vay là Trần Thị M, bà M nhận tiền xong đưa cho bà T. Do khó khăn nên không trả đúng hạn cho bà Y toàn bộ số tiền vay mà chỉ trả được 20.000.000 đồng, khoản tiền 170.000.000 đồng chưa trả thì bà T xin trả dần. Nguyên đơn xác nhận người vay là bà Trần Thị M chứ không phải bà Nguyễn Thị Thu T, đồng thời bà M đã ký nhận trong giấy vay ngày 13/4/2024 nên bà khởi kiện yêu cầu bà M trả khoản tiền 170.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà không đồng ý cho bà T nhận trả thay cho bà M.

Như vậy, căn cứ giấy vay tiền và lời khai của người làm chứng thể hiện vào ngày 13/4/2024 bà Trần Thị M có vay bà Cao Thị Y số tiền 190.000.000 đồng, ngày 24/6/2024 trả được 20.000.000 đồng. Khi đến hạn bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không có mặt tại Toà án để tiến hành làm việc, đối chất để làm rõ nội dung, đồng thời vắng mặt tại phiên toà, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M
- Giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 142/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Y.

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Cao Thị Y tổng số tiền là: 194.649.999 đồng. Trong đó số tiền gốc là 170.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) là 24.649.999 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị M phải chịu 9.732.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Cao Thị Y không phải chịu án phí án dân sự sơ thẩm theo quy định.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực I;
- Phòng THADS Khu vực I;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung